

Thông thường khi nhìn một đoàn du khách đi qua, ta có thể biết các vị du khách ấy là người nước nào, nhờ vào y phục của phụ nữ: áo kymono của người Nhật, áo sari của người Ấn, áo dài Thượng Hải của người Trung Hoa, áo dài hai tà của người Việt Nam... Y phục phụ nữ của mỗi nước có nét riêng và y phục phụ nữ Nam bộ, trong đó có phụ nữ miền Tây Nam bộ ta, cũng thế.

Y phục phụ nữ miền Tây Nam bộ lại mang nét đặc thù của lịch sử hình thành đất Nam bộ. Thế kỷ XVII, bên Trung Quốc, nhà Minh bị đổ, di thần nhà Minh không phục nhà Thanh nên kéo quân sang nước Việt xin làm dân An Nam và được chúa Nguyễn cho xuống khai phá vùng đất phía Nam. Nước Chân Lạp có sự chia rẽ, anh em vua tranh giành ngôi báu (từ năm Mậu Tuất 1658), nên tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc Nam tiến của chúa Nguyễn^(*). Chính vì thế Nam Bộ, mà tiêu biểu là khu vực miền Tây, có 3 dân tộc: người Khmer (của Thủy Chân Lạp còn), người Hoa (của di thần nhà Minh) và người Việt (theo cuộc Nam tiến).

Vì thế y phục của người phụ nữ Nam bộ đã có những nét riêng của nó:

- Không biết từ khi nào, người phụ nữ Chăm ở An Giang đã biết làm đẹp bằng những bộ áo dài, thật duyên dáng, kín đáo. Áo dài Chăm không xẻ tà như áo của người

Y PHỤC PHỤ NỮ

NAM BỘ

KIM THỊ MÔ SIPHA (*)

Kinh, khi mặc phải trông từ trên xuống.

Nếu so sánh giữa áo dài Chăm An Giang và áo dài truyền thống nguyên bản Chăm không có những điểm khác biệt lớn. Vẫn là phần trên (thân áo) cổ tròn và rộng để có thể dễ trông khi mặc; phần dưới hơi xòe ra để thuận tiện trong việc đi lại. Và đây là một kiểu của áo dài dùng trong sinh hoạt thường ngày, hơi khác một chút so với kiểu áo dài ôm sát thân của thiếu nữ, được mặc khi đi dự tiệc hay lễ hội.

Kiểu áo dài này chúng ta



Áo dài Việt Nam

vẫn còn gặp ở những cụ già Chăm tại vùng đất Pandurangga (Phan Rang).

- Với người phụ nữ Khmer: bên dưới vận chần tơ "sampot" (váy-xà-rông), trên mặc áo tầm-vông. Áo may bít bùng, bó sát thân, không có xẻ hai bên nách:

+ Người phụ nữ Khmer chưa chồng, mặc áo cổ hở, có ý khoe ngăm: "Em hãy còn tân không khác cái bông búp còn chờ tay ngọc hái về thành vợ thành chồng".

+ Khi đã có đôi bạn thì người vợ mặc áo cổ cài kín



Áo dài Chăm (ao atah)

(*) Giáo viên, nay nghỉ hưu tại Sóc Trăng

lại, chứng tỏ rằng: “thiếp nay như đóa hoa có chủ, dám đâu để mắt người lạ trông vào”⁽²⁾.

- Với người phụ nữ Hoa: lúc trang trọng, họ mặc áo dài Thượng Hải, cũng ôm sát người, cổ đứng, dài khoảng quá gối, bít bùng; mặc quần nhỏ. Lúc ở nhà, áo cũng may dạng này nhưng ngắn khoảng tới hông, sát nách hoặc có tay ngắn, mặc với váy hoặc quần dài. Ta gọi đó là đồ xắm.

- Với người phụ nữ Việt: thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), để y phục phụ nữ Nam bộ không giống Đàng Ngoài (do Trịnh-Nguyễn phân tranh), Chúa hạ chiếu: ... Cấm đàn bà mặc váy, người ta kêu trời. Còn áo thì là áo dài (khác áo tứ thân Đàng Ngoài). Đây là cách điệu của chiếc áo xắm: ôm sát người, xẻ 2 tà từ vòng eo trở xuống, dài gần chấm gót, cổ đứng, nút gài chéo vào nách và gài cặp theo một bên hông. Mặc quần dài. Nên có một chuyện cười: thời thuộc



Sườn xám Trung Quốc



Sampot và áo tầm-vông
Kampuchea

Pháp, có một bà “đầm” muốn hòa đồng với phụ nữ ta nên mặc áo dài Việt, nhưng lại mặc quần nhỏ, theo áo dài Thượng Hải, do đó khi ra đường làm mọi người cười vỡ bụng⁽³⁾. Đến thời nhà Ngô, Trần Lệ Xuân ra phong trào Phụ nữ liên đới, lấy kiểu áo tầm vông của người phụ nữ Khmer chưa chồng, may cổ hở cho chiếc áo dài Việt Nam, nhưng bị phản ứng nhiều và theo cụ Vương Hồng Sển: người Sóc Trăng gọi cái tên rất tục là “áo cổ khoét... trâu”⁽⁴⁾.

Đó là trang phục lúc lễ tết. Còn thường ngày, phụ nữ Việt mặc áo bà ba, nét đặc trưng của phụ nữ miền Tây Nam bộ.

Như vậy, ta thấy, qua

quá trình hình thành và cách tân, chiếc áo dài Việt đã có sự kết hợp, gắn bó của ba dân tộc trong vùng với nhau: Hoa + Khmer + Việt. Nó biểu hiện quá trình hòa đồng ba dân tộc chị em đã gắn bó, để xây dựng quê hương Nam bộ nói chung và Sóc Trăng nói riêng. Đó chính là nét hay đặc sắc qua y phục của người phụ nữ.

Tuy nhiên, đó là những y phục trước đây. Ngày nay, trong quá trình hội nhập quốc tế, phụ nữ Khmer còn vận chần khi đi chùa, dự các lễ hội dân tộc. Nhưng chiếc áo tầm vông thì không còn thấy nữa. Chiếc áo xắm của phụ nữ Hoa và chiếc áo bà ba của phụ nữ Việt cũng dần vắng bóng. Chỉ còn chiếc áo dài đặc thù của dân tộc Việt Nam vẫn còn đều đặn thể hiện quốc hồn quốc túy của Việt Nam để quốc tế nhận biết ta khi giao tiếp.

Tài liệu tham khảo:

1. *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, bản Tân Việt năm 1949.

2. *Hậu Giang-Ba Thắc* của Vương Hồng Sển.

Ghi chú:

(1): *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, bản Tân Việt năm 1949, trang 329-330- *Hậu Giang-Ba Thắc* của Vương Hồng Sển trang 42-43.

(2): *Hậu Giang-Ba Thắc* của Vương Hồng Sển trang 78 - 79.

(3): *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, bản Tân Việt năm 1949, trang 364-365.

(4): *Hậu Giang-Ba Thắc* của Vương Hồng Sển, tr.79, dòng 7 và 8.